

**DANH SÁCH SINH VIÊN**  
**DỰ KIẾN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP KỸ SƯ ĐỢT THÁNG 03 NĂM 2024**

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN
1	1900796	Nguyễn Trần Gia	Hung	Nam	Kinh	Việt Nam	16/7/2001	Tỉnh Tây Ninh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	153	2.90	Khá
2	1700082	NGUYỄN KHÁNH	LINH	Nam	Kinh	Việt Nam	14/6/1999	Tỉnh Bạc Liêu	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	151	2.47	Trung bình
3	1900272	Đỗ Đại Phương	Nam	Nam	Kinh	Việt Nam	30/6/2001	Tỉnh Kiên Giang	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	150	2.74	Khá
4	1800416	Nguyễn Văn	Tài	Nam	Kinh	Việt Nam	23/5/2000	Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	154	2.23	Trung bình
5	1800651	Nguyễn Ngọc	Thiện	Nam	Kinh	Việt Nam	31/5/2000	Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	154	2.43	Trung bình
6	1800506	Trần Hoàng	Nguyên	Nam	Kinh	Việt Nam	23/12/2000	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	150	2.65	Khá
7	1900041	Lê Thanh	Phong	Nam	Kinh	Việt Nam	02/8/2001	Tỉnh Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	150	2.49	Trung bình
8	1900284	Nguyễn Phú	Thịnh	Nam	Kinh	Việt Nam	26/10/2001	Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.69	Khá
9	1900304	Nguyễn Hữu	Trí	Nam	Kinh	Việt Nam	25/3/2001	Tỉnh Hậu Giang	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.70	Khá
10	1900647	Quảng Hùng	Trương	Nam	Kinh	Việt Nam	07/10/2001	Tỉnh Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.85	Khá
11	1900454	Nguyễn Tấn	Trường	Nam	Kinh	Việt Nam	06/11/2001	Tỉnh Sóc Trăng	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.35	Trung bình
12	1800679	Huỳnh Hoàng	Vững	Nam	Kinh	Việt Nam	22/01/2000	Tỉnh Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.31	Trung bình
13	1900701	Phan Quốc	Xít	Nam	Kinh	Việt Nam	01/01/2000	Tỉnh Cà Mau	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	2.29	Trung bình
14	1700680	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	Kinh	Việt Nam	23/7/1999	Tỉnh Cà Mau	Công nghệ thực phẩm	150	2.42	Trung bình
15	1900534	Võ Nguyễn	Phúc	Nam	Kinh	Việt Nam	24/02/2001	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ thực phẩm	150	2.54	Khá
16	1900280	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	Kinh	Việt Nam	17/10/2001	Tỉnh Đồng Tháp	Công nghệ thực phẩm	150	2.45	Trung bình
17	1800671	Trần Thị Gia	Xuân	Nữ	Kinh	Việt Nam	28/02/2000	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ thực phẩm	151	2.63	Khá
18	1900181	Phạm Văn	Kha	Nam	Kinh	Việt Nam	23/3/2001	Tỉnh Đồng Tháp	Hệ thống thông tin	150	2.53	Khá
19	1900625	Trần Vũ	Luân	Nam	Kinh	Việt Nam	24/10/2001	Tỉnh Sóc Trăng	Hệ thống thông tin	150	2.62	Khá
20	1900376	Phạm Ngọc	Thuận	Nam	Kinh	Việt Nam	10/3/2001	Thành phố Cần Thơ	Hệ thống thông tin	150	2.03	Trung bình
21	1900748	Tài Hoàng	Đô	Nam	Kinh	Việt Nam	10/7/2001	Thành phố Cần Thơ	Khoa học dữ liệu	150	2.72	Khá
22	1900576	Phan Hưng	Duy	Nam	Kinh	Việt Nam	16/02/1996	Tỉnh An Giang	Khoa học dữ liệu	150	3.36	Giỏi
23	1900654	Phan Phú	Thịnh	Nam	Kinh	Việt Nam	24/01/2001	Thành phố Cần Thơ	Khoa học dữ liệu	150	2.41	Trung bình
24	1900388	Nguyễn Kỳ Phương	Vinh	Nam	Kinh	Việt Nam	28/6/2001	Thành phố Cần Thơ	Khoa học dữ liệu	150	2.69	Khá
25	1800830	Nguyễn Bảo	Ân	Nam	Kinh	Việt Nam	06/11/2000	Tỉnh Bạc Liêu	Khoa học máy tính	152	2.28	Trung bình
26	1900418	Huỳnh	Duy	Nam	Kinh	Việt Nam	02/11/2001	Thành phố Cần Thơ	Khoa học máy tính	150	2.41	Trung bình
27	1900425	Phạm Trung	Hiếu	Nam	Kinh	Việt Nam	01/4/2001	Tỉnh Sóc Trăng	Khoa học máy tính	150	2.94	Khá
28	1900589	Nguyễn Lang	Nam	Nam	Kinh	Việt Nam	07/12/2001	Tỉnh Kiên Giang	Khoa học máy tính	150	2.66	Khá
29	1900346	Trương Bảo	Nhi	Nữ	Kinh	Việt Nam	26/7/2001	Thành phố Cần Thơ	Khoa học máy tính	150	2.80	Khá
30	1900487	Nguyễn Thị Bích	Như	Nữ	Kinh	Việt Nam	22/11/2001	Tỉnh Kiên Giang	Khoa học máy tính	150	2.57	Khá
31	1900538	Huỳnh Thanh	Tài	Nam	Kinh	Việt Nam	30/5/2000	Tỉnh Cần Thơ	Khoa học máy tính	150	2.53	Khá
32	1900285	Lê Huỳnh Tuấn	Tú	Nam	Kinh	Việt Nam	06/10/2001	Thành phố Cần Thơ	Khoa học máy tính	150	2.50	Khá
33	1900691	Diệp Lê Minh	Vương	Nam	Kinh	Việt Nam	22/4/2001	Tỉnh Vĩnh Long	Khoa học máy tính	150	2.69	Khá
34	1900833	Nguyễn Thị Huỳnh	Duy	Nữ	Kinh	Việt Nam	22/12/2001	Thành phố Cần Thơ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	150	2.78	Khá
35	1900703	Nguyễn Thanh	Hóa	Nam	Kinh	Việt Nam	06/6/2001	Tỉnh An Giang	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	150	2.29	Trung bình
36	1900417	Hồ Gia	Huy	Nam	Kinh	Việt Nam	23/4/2001	Thành phố Cần Thơ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	150	2.50	Khá
37	1900437	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	Kinh	Việt Nam	19/10/2001	Tỉnh Hậu Giang	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	150	2.58	Khá
38	1900690	Lê Thị Huyền	Trân	Nữ	Kinh	Việt Nam	22/6/2001	Tỉnh Trà Vinh	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	150	3.38	Giỏi

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN
39	1900137	Nguyễn Diệp Gia	Bảo	Nam	Kinh	Việt Nam	17/7/2001	Tỉnh Đồng Tháp	Kỹ thuật phần mềm	150	2.89	Khá
40	1900471	Phạm Thanh	Bình	Nam	Kinh	Việt Nam	03/02/2001	Thành phố Cần Thơ	Kỹ thuật phần mềm	150	2.65	Khá
41	1900308	Nguyễn Thiên	Định	Nam	Kinh	Việt Nam	22/7/2001	Tỉnh Kiên Giang	Kỹ thuật phần mềm	150	2.91	Khá
42	1900411	Lê Phú	Hào	Nam	Kinh	Việt Nam	12/12/2001	Tỉnh An Giang	Kỹ thuật phần mềm	150	2.63	Khá
43	1900421	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	Kinh	Việt Nam	24/02/2001	Tỉnh Hậu Giang	Kỹ thuật phần mềm	150	2.59	Khá
44	1900078	Phạm Hoài	Nhân	Nam	Kinh	Việt Nam	02/8/2001	Tỉnh An Giang	Kỹ thuật phần mềm	150	3.21	Giỏi
45	1900681	Phạm Chí	Tân	Nam	Kinh	Việt Nam	14/01/2001	Thành phố Cần Thơ	Kỹ thuật phần mềm	150	3.09	Khá
46	1900312	Nguyễn Hữu	Vĩ	Nam	Kinh	Việt Nam	03/8/2001	Tỉnh Thanh Hóa	Kỹ thuật phần mềm	150	2.48	Trung bình
47	1900565	Nguyễn Phú	Vinh	Nam	Kinh	Việt Nam	20/10/2001	Tỉnh Vĩnh Long	Kỹ thuật phần mềm	150	2.79	Khá
48	1900435	Vương Thành	Kiệt	Nam	Kinh	Việt Nam	27/10/2001	Thành phố Cần Thơ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	150	3.08	Khá
49	1900790	Dương Trúc	Ly	Nữ	Kinh	Việt Nam	15/3/1999	Tỉnh Cà Mau	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	150	3.15	Khá
50	1900555	Đoàn Lâm Thiên	Thảo	Nữ	Kinh	Việt Nam	25/01/2001	Thành phố Cần Thơ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	150	3.01	Khá
51	1900573	Trần Anh	Thư	Nữ	Kinh	Việt Nam	31/8/2001	Thành phố Cần Thơ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	150	2.99	Khá
52	1900291	Tô Minh	Trường	Nam	Kinh	Việt Nam	14/4/2001	Tỉnh Đồng Tháp	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	150	3.02	Khá
53	1900006	Nguyễn Hoàng Khánh	Vân	Nữ	Kinh	Việt Nam	01/01/2001	Tỉnh An Giang	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	152	3.25	Giỏi
54	1900264	Võ Ngọc Phương	Anh	Nữ	Kinh	Việt Nam	15/10/2001	Tỉnh Trà Vinh	Quản lý công nghiệp	150	3.01	Khá
55	1900780	Phan Trung	Cuong	Nam	Kinh	Việt Nam	09/6/2001	Tỉnh Sóc Trăng	Quản lý công nghiệp	150	3.22	Giỏi
56	1900639	Huỳnh Hải	Đặng	Nam	Kinh	Việt Nam	29/01/2001	Tỉnh Cần Thơ	Quản lý công nghiệp	150	2.85	Khá
57	1800381	Trương Phát	Đạt	Nam	Kinh	Việt Nam	25/5/2000	Tỉnh An Giang	Quản lý công nghiệp	150	3.24	Giỏi
58	1900527	Kiều Trung	Hậu	Nam	Kinh	Việt Nam	16/9/2001	Tỉnh Cà Mau	Quản lý công nghiệp	150	3.05	Khá
59	1900723	Huỳnh Đăng	Khoa	Nam	Kinh	Việt Nam	04/10/2001	Thành phố Cần Thơ	Quản lý công nghiệp	150	2.54	Khá
60	1900402	Đinh Thị Yên	Lâm	Nữ	Kinh	Việt Nam	15/11/2001	Tỉnh An Giang	Quản lý công nghiệp	150	2.96	Khá
61	1900419	Nguyễn Nhật	Linh	Nam	Kinh	Việt Nam	19/4/2001	Tỉnh Sóc Trăng	Quản lý công nghiệp	150	2.71	Khá
62	1900340	Trương Thị Cẩm	Linh	Nữ	Kinh	Việt Nam	15/10/2001	Tỉnh Kiên Giang	Quản lý công nghiệp	150	2.58	Khá
63	1900713	Nguyễn Điền Trúc	Ly	Nữ	Kinh	Việt Nam	27/02/2001	Tỉnh An Giang	Quản lý công nghiệp	150	2.64	Khá
64	1900167	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	Kinh	Việt Nam	03/02/2001	Tỉnh An Giang	Quản lý công nghiệp	150	2.75	Khá
65	1900824	Phan Tường	Vy	Nữ	Kinh	Việt Nam	30/5/2001	Thành phố Cần Thơ	Quản lý công nghiệp	150	2.94	Khá
66	1900617	Nguyễn Phong	Quang	Nam	Kinh	Việt Nam	22/5/2001	Thành phố Cần Thơ	Quản lý xây dựng	150	2.58	Khá